

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Lê Đức Dũng
2. bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Lầu Cá C, sinh năm: 1988; nghề nghiệp: mua bán trái cây; nơi đăng ký thường trú và cư trú: số 84, tổ B, ấp B3, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* chị Tăng Gia T, sinh năm: 1990; nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký thường trú: số 84, tổ B, ấp B3, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: tổ 13, ấp T, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Lầu Cá C trình bày: anh và chị Tăng Gia T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2010. Đây là lần kết hôn đầu tiên của cả hai người. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều điểm không hợp, không hiểu nhau nên thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống gia đình ngột ngạt. Ngoài ra, mâu thuẫn một

phần từ công việc của anh thường xuyên đi làm xa, đi sớm về muộn nên chị T nghi ngờ, ghen tuông bóng gió; từ năm 2019 vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay anh không thể tiếp tục chung sống với chị T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lầu Mỹ K, sinh ngày 21/10/2010 và cháu Lầu Quyền N, sinh ngày: 03/4/2015. Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mỹ K và giao cháu Quyền N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung và anh tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Quyền N 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: CMND Lầu Cá C (bản sao chứng thực); sổ hộ khẩu của Lầu Cá C và Tăng Gia T (bản sao chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính + 01 bản sao chứng thực); giấy khai sinh 02 con (bản sao); phiếu gửi EMS cho chị Tăng Gia T; biên lai thu tạm ứng án phí số 0001795 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM; bản tự khai; đơn xác nhận việc thường trú của chị T; đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt.

* Theo bản tự khai ngày 14/7/2020 của bị đơn chị Tăng Gia T thể hiện: chị thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn về cơ sở kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn, số con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, chị cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi khi cũng cãi nhau nhưng không gay gắt, trầm trọng đến mức phải ly hôn. Theo chị, từ năm 2019 do anh C đi làm ở Bình Thuận lâu lâu mới về nhà còn chị đi làm công nhân nên chị xin phép về nhà cha mẹ ruột sống cho thuận tiện; khi anh C trở về nhà thì chị cũng quay về nhà ở X chung sống. Nay anh C yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con chung: chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ tháng/cháu; tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét.

Tài liệu do bị đơn giao nộp: giấy chứng minh nhân dân tên Tăng Gia T (bản chụp được đối chiếu); bản tự khai ngày 14/7/2020 của chị Tăng Gia T.

Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành xác minh, thu thập được các tài liệu, chứng cứ: biên bản lấy lời khai của Lầu Cá C ngày 13/8/2020 và 21/8/2020; biên bản lấy lời khai cháu Lầu Mỹ K ngày 13/8/2020.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) năm 2014 và quy định tại các điều 85, 89, 91, 92, 93 và 94 của Luật HN&GD năm 2000 để giải quyết vụ án. Về đường lối giải

quyết vụ án: đề nghị cho anh C được ly hôn chị T; về con chung: đề nghị giao cháu Mỹ K cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành; giao cháu Quyền N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng 2.500.000 đồng cho cháu Quyền N của anh C; tạm thời chị T không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; về án phí: anh C chịu án phí sơ thẩm ly hôn và cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự được công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh Lầu Cá C khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Tăng Gia T và yêu cầu được giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó anh C là nguyên đơn, chị T là bị đơn; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM.

Nguyên đơn (anh Lầu Cá Chấn) có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn (chị Tăng Gia T) được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: anh Lầu Cá C và chị Tăng Gia T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 15/01/2010, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C nhận thấy: theo anh C, lý do anh yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên bất đồng ý kiến, hay cãi nhau làm cho cuộc sống gia đình ngột ngạt và chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống khoảng 01 tháng nay; ngoài ra, mâu thuẫn còn do chị T không tin tưởng anh, thường ghen tuông vô cớ trong khi công việc của anh phải đi sớm về khuya. Chị T thì cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, vợ chồng tuy có cãi nhau nhưng không trầm trọng, gay gắt như anh C trình bày. Xét thấy, do trong quá trình vợ chồng chung sống đã nảy sinh nhiều bất đồng, nhưng vợ chồng không cùng nhau tìm ra phương pháp giải quyết nên đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng; đồng thời, do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, việc anh C đi sớm về khuya đã khiến chị T nghi ngờ và mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn; tuy chị T cho rằng mâu thuẫn không trầm trọng đến mức vợ chồng phải ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải lại cố tình vắng mặt, không thật sự mong muốn hòa giải. Từ những chứng cứ nêu trên, thấy rằng mâu thuẫn giữa

anh C và chị T đã tới mức trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh C được ly hôn chị T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: chị T có yêu cầu được nuôi cả 02 con chung chưa thành niên; anh C đồng ý giao cháu Lầu Quyền N, sinh ngày: 03/4/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cháu Quyền N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Riêng cháu Lầu Mỹ K, sinh ngày 21/10/2010 có nguyện vọng được sống với cha và anh C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu nên HĐXX quyết định giao cháu Mỹ K cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời chị T không cấp dưỡng nuôi cháu Mỹ K. Chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng cho cháu Quyền N 2.500.000 đồng/tháng và anh C cũng tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Quyền N 2.500.000 đồng/tháng nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: do không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: anh C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng, pháp luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 51, 53, 131 của Luật HN&GD năm 2014 và các điều 89, 92, 93, 94 của Luật HN&GD năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Lầu Cá C được ly hôn chị Tăng Gia T.

2. Về con chung: Giao cháu Lầu Mỹ K, sinh ngày 21/10/2010 cho anh Lầu Cá C trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lầu Quyền N, sinh ngày: 03/4/2015 cho chị Tăng Gia T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời chị Tăng Gia T không phải cấp dưỡng cho cháu Lầu Mỹ K.

Hàng tháng anh Lầu Cá C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lầu Quyền N số tiền là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 của Luật HN&GD năm 2014.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: anh Lầu Cá C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh C đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001795 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; anh C còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VSKND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Lưu HS, AV.

Hà Thế Nam